

# **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

*Báo cáo tài chính giữa niên độ  
6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016  
đã được soát xét*

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

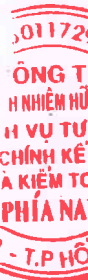


**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**  
**QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp**

---

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	04 - 04
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 43



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho 6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

### **CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 5 năm 2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 7 năm 2015

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2016 là: **381.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

#### **4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty liên doanh, liên kết

- Cty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á

Từ ngày 28/06/2016 Công ty đã chấm dứt đầu tư liên kết tại Công ty.Cp Dầu Cá Châu Á

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chung	Chủ tịch
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Thanh Thuận	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Hồ Mạnh Dũng	Thành viên
Ông:	Lê Văn Chính	Thành viên
Ông:	Lê Văn Thành	Thành viên

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Tiến Ngữ	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Ủy viên

Đại diện theo phát luật:

Ông: Lê Văn Chính

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Gia Thuận

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty 6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản phê duyệt Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty.

*Đồng Tháp, ngày 15 tháng 07 năm 2016*

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**  
**Chủ tịch**

**LÊ VĂN CHUNG**

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

  
**LÊ VĂN CHÍNH**

50117  
CÔNG  
H NHIỆM H  
H VỤ T  
HÌNH K  
KIỂM T  
HIA N  
T.P H

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
của Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản, được lập ngày 15 tháng 07 năm 2016 từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>416.382.690.167</b>	<b>384.831.795.859</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	35.407.683.988	129.487.881.338
111	1. Tiền		32.246.153.557	118.467.766.689
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.161.530.431	11.020.114.649
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>241.426.007.666</b>	<b>189.348.086.486</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	160.975.760.182	111.864.955.872
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.701.951.564	52.534.713.119
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	72.748.295.920	24.948.417.495
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.06	<b>136.902.337.234</b>	<b>53.840.781.578</b>
141	1. Hàng tồn kho		137.098.667.820	53.840.781.578
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(196.330.586)	
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.646.661.279</b>	<b>12.155.046.457</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.10	459.515.628	660.365.930
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.187.145.651	11.494.680.527
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>406.842.552.898</b>	<b>411.232.487.750</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>39.017.612.000</b>	<b>5.017.612.000</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.04	34.000.000.000	
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	5.017.612.000	5.017.612.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>348.331.247.050</b>	<b>359.442.187.252</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	180.410.408.751	185.632.474.365
222	- Nguyên giá		219.518.868.683	218.176.488.018
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(39.108.459.932)	(32.544.013.653)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.08	110.669.819.914	115.880.718.244
225	- Nguyên giá		118.887.765.096	118.887.765.096
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.217.945.182)	(3.007.046.852)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.09	57.251.018.385	57.928.994.643
228	- Nguyên giá		58.619.547.423	58.619.547.423
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.368.529.038)	(690.552.780)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>			
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.02	<b>10.394.184.778</b>	<b>46.669.314.194</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			38.680.500.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.418.973.891	10.418.973.891
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(24.789.113)	(2.430.159.697)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.099.509.070</b>	<b>103.374.304</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	9.099.509.070	103.374.304
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>823.225.243.065</b>	<b>796.064.283.609</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>388.165.561.761</b>	<b>369.213.822.468</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>194.607.351.064</b>	<b>168.959.168.963</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	9.701.688.100	25.212.177.580
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.901.972.864	183.613.460
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	1.210.382.546	3.570.869.984
314	4. Phải trả người lao động		520.633.464	
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	1.733.461.107	1.294.894.118
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.11	176.463.751.450	137.690.193.097
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.075.461.533	1.007.420.724
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>H. Nợ dài hạn</b>		<b>193.558.210.697</b>	<b>200.254.653.505</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.11	193.558.210.697	200.254.653.505
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>V.15</b>	<b>435.059.681.304</b>	<b>426.850.461.141</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu		435.059.681.304	426.850.461.141
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		381.000.000.000	381.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		381.000.000.000	381.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.150.923.066	2.014.841.448
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		49.908.758.238	43.835.619.693
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		40.631.497.266	22.474.803.507
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		9.277.260.972	21.360.816.186
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>823.225.243.065</b>	<b>796.064.283.609</b>

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN

LÊ VĂN CHÍNH

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	329.340.300.268	341.580.744.064
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02		88.264.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		329.340.300.268	341.492.480.064
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	307.176.787.270	327.856.614.144
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.163.512.998	13.635.865.920
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	11.111.970.205	3.229.387.354
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	13.023.066.624	6.412.433.371
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.953.717.339	5.970.916.687
24	8. Chi phí bán hàng	VI.06	6.736.775.557	2.315.987.428
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	3.350.586.575	2.535.573.524
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.165.054.447	5.601.258.951
31	11. Thu nhập khác	VI.07	15.950.934	
32	12. Chi phí khác	VI.08	10.460.401	56.051.429
40	13. Lợi nhuận khác		5.490.533	(56.051.429)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.170.544.980	5.545.207.522
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	893.284.008	551.714.250
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.277.260.972	4.993.493.272
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		243	131

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

LƯU TRẦN TẤN

Kế toán trưởng

NGUYỄN GIA THUẬN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHÍNH

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>10.170.544.980</b>	<b>5.545.207.522</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		12.453.320.867	6.295.113.952
03	2. Các khoản dự phòng		(2.209.039.998)	(165.982.074)
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.688.121.935)	132.954.901
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.857.277.498)	(941.122.743)
06	5. Chi phí lãi vay		10.953.717.339	5.970.916.687
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>20.823.143.755</b>	<b>16.837.088.245</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(28.786.658.005)	(80.009.822.705)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(83.257.886.242)	(8.379.050.836)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.086.701.069)	(7.491.417.970)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.795.284.464)	286.600.910
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.953.717.339)	(5.970.916.687)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.507.792.454)	(638.109.845)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(5.094.016.567)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(129.564.895.818)</b>	<b>(90.459.645.455)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.342.380.665)	(155.565.492.769)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(34.000.000.000)	(990.029.609)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			4.700.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(88.680.500.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38.680.500.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		360.364.998	941.122.743
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>3.698.484.333</b>	<b>(239.594.899.635)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			231.000.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		406.068.855.450	406.409.531.914
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(364.998.093.155)	(307.276.266.784)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(8.993.646.750)	(5.330.848.664)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		32.077.115.545	324.802.416.466
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(93.789.295.940)	(5.252.128.624)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		129.487.881.338	10.271.189.727
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(290.901.410)	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		<b>35.407.683.988</b>	<b>5.019.061.103</b>

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ VĂN CHÍNH

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 5 năm 2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 7 năm 2015

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2016 là: 381.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại QL80, Cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính Không có

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ
- Cty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á	Quốc lộ 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Từ ngày 28/06/2016 Công ty đã chấm dứt đầu tư liên kết tại Công ty Cp Dầu Cá Châu Á

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

##### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

##### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### + Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### + Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

#### Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

### Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### - Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### - Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### - Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### - Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11729  
NG TY  
HIỆM HỮU H  
VU TU V  
NH KẾ TO  
IỂM TOÁN  
IA NAM  
PHỔ C

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH)**: Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
<b>Tiền mặt</b>	<b>188.615.413</b>	<b>50.031.807</b>
- VND	188.615.413	50.031.807
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>32.057.538.144</b>	<b>118.417.734.882</b>
- Tiền gửi (VND)	9.670.524.693	112.263.761.313
- Tiền gửi (USD)	22.387.013.451	6.153.973.569
<b>Tiền đang chuyển</b>		
<b>Các khoảng tương đương tiền</b>	<b>3.161.530.431</b>	<b>11.020.114.649</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.161.530.431	11.020.114.649
+ Ngân hàng Hàng Hải - CN Cần Thơ	3.161.530.431	11.020.114.649
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
<b>Cộng</b>	<b>35.407.683.988</b>	<b>129.487.881.338</b>

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### **02 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
- Cty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á				(2.403.709.043)
				(2.403.709.043)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>10.418.973.891</b>		<b>(24.789.113)</b>	<b>10.418.973.891</b>
- Cty CP Tư vấn và Đầu Tư tài chính	6.418.973.891		(24.789.113)	6.418.973.891
- Cty CP Nhứt Hồng	4.000.000.000		4.000.000.000	
				(26.450.654)
				(26.450.654)
<b>Cộng</b>	<b>10.418.973.891</b>		<b>(24.789.113)</b>	<b>49.099.473.891</b>
				<b>(2.430.159.697)</b>

(\* ) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty trên tại ngày 30/06/2016 chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>152.422.257.053</b>	<b>111.864.955.872</b>
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	108.683.861.247	92.238.813.463
+ Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia	2.693.772.225	1.424.489.048
+ SINOPHARM FORTUNE WAY COMPANY	10.244.200.000	
+ Đối tượng khác	30.800.423.581	18.201.653.361
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>152.422.257.053</b>	<b>111.864.955.872</b>

#### c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
+ Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia	Cty mẹ	2.693.772.225	1.424.489.048

### 04 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>b) Dài hạn</b>	<b>34.000.000.000</b>	
- Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	34.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>34.000.000.000</b>	

#### Ghi chú:

Theo hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV-SM, ngày 12/05/2016, lãi suất 7,5%/năm.

### 05 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>72.748.295.920</b>		<b>24.948.417.495</b>	
Tạm ứng	20.004.720.942		5.120.549.124	
Phải thu khác	52.743.574.978		19.827.868.371	
+ Cty CP Tập đoàn Sao Mai	239.187.500		4.955.169.751	
+ Công ty TNHH MTV TXD-TM An Thịnh			1.649.770.000	
+ Công ty CP VISTAR			535.002.000	
+ Công ty TNHH MTV Xây Dựng TM An Lành			1.978.281.000	
+ Nguyễn Văn Sơn	22.416.600.000			
+ Trần Đăng Khoa	12.000.000.000			
+ Vũ Văn Tiến	12.000.000.000			
+ Đối tượng khác	6.087.787.478		10.709.645.620	

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

b) Dài hạn	5.017.612.000	5.017.612.000
Ký cược, ký quỹ	5.017.612.000	5.017.612.000
<b>Cộng</b>	<b>77.765.907.920</b>	<b>29.966.029.495</b>

### 06 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	2.676.288.059		738.496.957	
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Thành phẩm	37.776.804.093	(196.330.586)	10.402.551.575	
- Hàng hóa	96.645.575.668		42.699.733.046	
- Hàng gửi đi bán				
- Hàng hóa kho bảo thuế				
<b>Cộng</b>	<b>137.098.667.820</b>	<b>(196.330.586)</b>	<b>53.840.781.578</b>	

#### Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ

Hàng tồn kho	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị sổ sách	Tài khoản
+ Bột cá	kg	1.897.650	43.783.903.399	155, 156
+ Mỡ cá	kg	5.549.495	90.442.145.776	155, 156

- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Giá thành phẩm Mỡ cá thấp hơn giá bán tại ngày 30/06/2016

050117  
CÔNG  
CH NHIỆM  
H VỤ T  
CHÍNH K  
KIỂM T  
PHÍA N  
- T.P H

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### 07. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu kỳ	172.794.313.853	41.321.995.983	3.936.596.364	123.581.818		218.176.488.018
2. Số tăng trong kỳ		1.342.380.665				1.342.380.665
- Mua trong kỳ		1.342.380.665				1.342.380.665
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	172.794.313.853	42.664.376.648	3.936.596.364	123.581.818		219.518.868.683
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu kỳ	22.562.486.710	8.763.456.782	1.110.352.678	107.717.482		32.544.013.653
2. Khấu hao trong kỳ	4.221.892.434	2.059.307.045	281.185.434	2.061.366		6.564.446.279
- Khấu hao trong kỳ	4.221.892.434	2.059.307.045	281.185.434	2.061.366		6.564.446.279
- Tặng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	26.784.379.144	10.822.763.827	1.391.538.112	109.778.848		39.108.459.932
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	150.231.827.143	32.558.539.201	2.826.243.686	15.864.336		185.632.474.365
2. Tại ngày cuối kỳ	146.009.934.709	31.841.612.821	2.545.058.252	13.802.970		180.410.408.751

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 38.796.296.129 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 140.600.000 VND



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### 08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá</b>								
1. Số dư đầu kỳ		118.418.852.098	468.912.998				118.887.765.096	
2. Số tăng trong kỳ								
- Thuế tài chính trong kỳ								
- Tăng khác								
3. Số giảm trong kỳ								
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính								
- Giảm khác								
4. Số dư cuối kỳ		118.418.852.098	468.912.998				118.887.765.096	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
1. Số dư đầu kỳ		3.000.534.171	6.512.681				3.007.046.852	
2. Khấu hao trong kỳ		5.171.822.244	39.076.086				5.210.898.330	
- Khấu hao trong kỳ		5.171.822.244	39.076.086				5.210.898.330	
- Tăng khác								
3. Giảm trong kỳ								
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính								
- Giảm khác								
4. Số dư cuối kỳ		8.172.356.415	45.588.767				8.217.945.182	
<b>III. Giá trị còn lại</b>								
1. Tại ngày đầu kỳ		115.418.317.927	462.400.317				115.880.718.244	
2. Tại ngày cuối kỳ		110.246.495.683	423.324.231				110.669.819.914	

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 3.341.033.082 VND

- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính và các hợp đồng chuyển giao thuê tài chính từ Cty Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia sang

- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê TC bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng

CHẤP \* B' C' P \*

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DULỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN  
TRÁCH NHIỆM DỊCH VỤ TÀI CHÍNH KIỂM PHÍA  
QUẢN LÝ - T.P  
M.S.D.N: 030501  
26

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

09 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH				Đơn vị tính: VND		
Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu kỳ	58.559.547.423			60.000.000		58.619.547.423
2. Số tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giám khác						
4. Số dư cuối kỳ	58.559.547.423			60.000.000		58.619.547.423
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu kỳ	630.552.780			60.000.000		690.552.780
2. Khấu hao trong kỳ	677.976.258					677.976.258
- Khấu hao trong kỳ	677.976.258					677.976.258
- Tặng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giám khác						
4. Số dư cuối kỳ	1.308.529.038			60.000.000		1.368.529.038
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	57.928.994.643					57.928.994.643
2. Tại ngày cuối kỳ	57.251.018.385					57.251.018.385

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 60.000.000 VND  
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>459.515.628</b>	<b>660.365.930</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	417.929.037	660.365.930
Các khoản khác	41.586.591	
<b>b) Dài hạn</b>	<b>9.099.509.070</b>	<b>103.374.304</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	228.793.202	
Các khoản khác	8.870.715.868	103.374.304
<b>Cộng</b>	<b>9.559.024.698</b>	<b>763.740.234</b>

### 11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn - VND	167.470.104.533	167.470.104.533	406.068.855.450	358.301.650.347	119.702.899.430	119.702.899.430
Vay ngắn hạn - USD						
<b>Cộng</b>	<b>167.470.104.533</b>	<b>167.470.104.533</b>	<b>406.068.855.450</b>	<b>358.301.650.347</b>	<b>119.702.899.430</b>	<b>119.702.899.430</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	132.755.314.187	132.755.314.187		6.696.442.808	139.451.756.995	139.451.756.995
Trên 5 năm						
<b>Cộng</b>	<b>132.755.314.187</b>	<b>132.755.314.187</b>		<b>6.696.442.808</b>	<b>139.451.756.995</b>	<b>139.451.756.995</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	6 tháng đầu năm 2016			6 tháng đầu năm 2015		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	12.334.679.832	3.341.033.082	8.993.646.750	6.771.053.913	515.190.730	6.255.863.183
Trên 1 năm đến 5 năm				5.636.163.783	428.840.085	5.207.323.698
Trên 5 năm						
<b>Cộng</b>	<b>12.334.679.832</b>	<b>3.341.033.082</b>	<b>8.993.646.750</b>	<b>12.407.217.696</b>	<b>944.030.815</b>	<b>11.463.186.881</b>

### d) Giá trị nợ thuế tài chính

Ngắn hạn	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	8.993.646.917	8.993.646.917	17.987.293.667	17.987.293.667
Lãi thuế tài chính phải trả	8.993.646.917	8.993.646.917	17.987.293.667	17.987.293.667
<b>Dài hạn</b>	<b>60.802.896.510</b>	<b>60.802.896.510</b>	<b>60.802.896.510</b>	<b>60.802.896.510</b>
Gốc nợ thuế tài chính	60.802.896.510	60.802.896.510	60.802.896.510	60.802.896.510
Lãi thuế tài chính phải trả				
<b>Cộng</b>	<b>69.796.543.427</b>	<b>69.796.543.427</b>	<b>78.790.190.177</b>	<b>78.790.190.177</b>

### đ) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

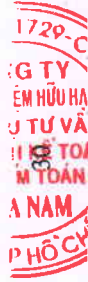
### 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016	01/01/2016		
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.701.688.100</b>	<b>9.701.688.100</b>	<b>25.212.177.580</b>	<b>25.212.177.580</b>
- Cty CP Du lịch Đồng Tháp	7.469.941.680	7.469.941.680	20.163.666.000	20.163.666.000
- Cty TNHH Hữu Sáng	1.239.711.500	1.239.711.500	2.830.269.600	2.830.269.600
- DNTN Kinh Doanh, Nông Sản Ba Dũng Đồng Tháp	992.034.920	992.034.920	2.218.241.980	2.218.241.980
- Đối tượng khác				
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>9.701.688.100</b>	<b>9.701.688.100</b>	<b>25.212.177.580</b>	<b>25.212.177.580</b>

### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Phải nộp	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	884.553.767	893.284.008	3.507.792.454	3.499.062.213
Thuế thu nhập cá nhân	78.411.764	28.626.677	22.022.684	71.807.771
Thuế GTGT	247.417.015	247.417.015		
<b>Cộng</b>	<b>1.210.382.546</b>	<b>1.169.327.700</b>	<b>3.529.815.138</b>	<b>3.570.869.984</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

**14 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.733.461.107</b>	<b>1.294.894.118</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	120.960.422	110.562.368
Bảo hiểm xã hội	154.492.185	89.050.000
Bảo hiểm y tế	11.326.500	
Bảo hiểm thất nghiệp	5.034.000	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.420.000.000	1.070.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.648.000	25.281.750
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>1.733.461.107</b>	<b>1.294.894.118</b>



30  
TY  
LIC  
RIE  
SAN  
DON

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>			<b>901.154.720</b>	<b>25.145.333.599</b>	<b>176.046.488.319</b>
Tăng vốn trong năm trước	231.000.000.000				(1.000.000.000)	230.000.000.000
Lãi trong năm trước					21.360.816.186	21.360.816.186
Tăng do trích lập từ lợi nhuận						
Giảm vốn trong năm trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận				1.113.686.728	(1.670.530.092)	(556.843.364)
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>381.000.000.000</b>			<b>2.014.841.448</b>	<b>43.835.619.693</b>	<b>426.850.461.141</b>
Tăng vốn trong kỳ này						
Lãi trong kỳ này					9.275.740.662	9.275.740.662
Tăng do trích từ lợi nhuận						
Tăng khác						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(3.204.122.427)	(1.068.040.809)
Giảm vốn trong kỳ này						
Lỗ trong kỳ này						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>381.000.000.000</b>			<b>4.150.923.066</b>	<b>49.907.237.928</b>	<b>435.058.160.994</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

15 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>30/06/2016</u>	%	<u>01/01/2016</u>	%
Vốn góp của công ty mẹ	301.926.000.000	79,25%	301.926.000.000	79,25%
Vốn góp của các đối tượng khác	79.074.000.000	20,75%	79.074.000.000	20,75%
<b>Cộng</b>	<b>381.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>381.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### 15 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	381.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		231.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	381.000.000.000	381.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

### 15 . 4. Cổ phiếu

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.100.000	38.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.100.000	38.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.100.000	38.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.100.000	38.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

### 15 . 6. Các quỹ của công ty:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Quỹ đầu tư phát triển	4.150.923.066	2.014.841.448
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

### 16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Dollar Mỹ (USD)	1.005.247,69	274.119,09
- Bảng Anh (EUR)		

### b) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	329.340.300.268	341.580.744.064
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
<b>Cộng</b>	<b>329.340.300.268</b>	<b>341.580.744.064</b>

#### b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia	Công ty mẹ	9.098.680.500

#### 02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		88.264.000
<b>Cộng</b>		<b>88.264.000</b>

#### 03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	306.980.456.684	328.036.890.263
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	196.330.586	(180.276.119)
<b>Cộng</b>	<b>307.176.787.270</b>	<b>327.856.614.144</b>

#### 04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	121.177.498	112.715.461
Lãi trả trước cho Cty CP Tập đoàn Sao Mai	239.187.500	828.407.282
Lãi ứng trước khách hàng cá nhân		2.034.813.600
Lãi tiền chuyển nhượng cổ phần	7.736.100.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.015.505.207	253.451.011
<b>Cộng</b>	<b>11.111.970.205</b>	<b>3.229.387.354</b>

#### 05. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền vay	10.953.717.339	5.970.916.687
Lỗ chênh lệch tỷ giá	327.383.272	294.261.739
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		147.254.945
Chi phí tài chính khác	1.743.627.554	
<b>Cộng</b>	<b>13.024.728.165</b>	<b>6.412.433.371</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

6 tháng đầu năm 2016      6 tháng đầu năm 2015

#### 06 . 1. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên, hoa hồng	618.043.000	29.170.484
Cước tàu, phí vận chuyển	4.674.434.177	1.470.872.274
Phí kiểm nghiệm	1.020.704.851	449.620.000
Chi phí bằng tiền khác	69.693.529	361.904.670
Các khoản chi phí khác	353.900.000	4.420.000
<b>Cộng</b>	<b>6.736.775.557</b>	<b>2.315.987.428</b>

#### 06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.924.937.795	1.420.155.693
Khấu hao TSCĐ	60.384.434	69.493.551
Thuế phí và lệ phí	58.544.353	258.777.146
Chi phí bằng tiền khác	985.399.033	752.699.680
Các khoản chi phí QLDN khác	321.320.960	34.447.454
<b>Cộng</b>	<b>3.350.586.575</b>	<b>2.535.573.524</b>

### 07 . THU NHẬP KHÁC

6 tháng đầu năm 2016      6 tháng đầu năm 2015

Tiền phạt thu được	15.950.934	
Các khoản khác	15.950.934	
<b>Cộng</b>	<b>15.950.934</b>	

### 08 . CHI PHÍ KHÁC

6 tháng đầu năm 2016      6 tháng đầu năm 2015

Các khoản bị phạt	9.757.920	
Các khoản khác	702.481	56.051.429
<b>Cộng</b>	<b>10.460.401</b>	<b>56.051.429</b>

### 09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

6 tháng đầu năm 2016      6 tháng đầu năm 2015

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.486.856.916	91.650.620.402
Chi phí nhân công	4.566.974.895	1.678.292.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.090.606.084	6.833.763.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.010.711.245	1.073.605.825
Chi phí khác bằng tiền	3.043.257.068	1.175.944.638
<b>Cộng</b>	<b>138.198.406.208</b>	<b>102.412.226.991</b>

### 10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

6 tháng đầu năm 2016      6 tháng đầu năm 2015

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	883.202.185	551.714.250
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	9.940.592	
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>893.142.777</b>	<b>551.714.250</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có

03. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

6 tháng đầu năm 2016

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

406.068.855.450

04. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

6 tháng đầu năm 2016

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

364.998.093.155

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

6 tháng đầu năm 2016      6 tháng đầu năm 2015

Thù lao và tiền lương của các thành viên quản lý chủ chốt

418.440.996

465.087.839

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I

Công ty mẹ

Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai

Cổ đông lớn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch (VND)</u>
- Cty CP Đầu tư & PT Đa Quốc Gia	Bán bột cá biển	9.008.510.500
	Bán báo từ cá	90.170.000
- Cty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Sao Mai	Lãi ứng trước tiền hàng	4.955.169.751

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
- Cty CP Đầu tư & PT Đa Quốc Gia	Tiền bột cá biển, bao tử	2.693.772.225
- Cty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Sao Mai	Tiền đóng hộ BHXH	975.000
- Cty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Sao Mai	Lãi tiền cho vay	239.187.500
- Cty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Sao Mai	Tiền cho vay	34.000.000.000

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
- Cty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Sao Mai	Tiền đóng hộ BHXH	89.050.185



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### **14. Thông tin bộ phận**

#### **a. Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2016			6 tháng đầu năm 2015		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	159.886.871.789	169.453.428.479	329.340.300.268	265.264.575.472	76.227.904.592	341.492.480.064
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận			329.340.300.268			341.492.480.064
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ			329.340.300.268			341.492.480.064
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.044.112.227	9.119.400.771	22.163.512.998	8.045.160.893	5.590.705.027	13.635.865.920
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(10.087.362.132)			(4.851.560.952)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			12.076.150.866			8.784.304.968
Doanh thu hoạt động tài chính			11.111.970.205			3.229.387.354
Chi phí tài chính			(13.023.066.624)			(6.412.433.371)
Thu nhập khác			15.950.934			
Chi phí khác			(10.460.401)			(56.051.429)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(893.284.008)			(551.714.250)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			9.277.260.972			4.993.493.272
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1.342.380.665			155.565.492.769
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			12.453.320.860			7.096.769.155



1/2/2016



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	30/06/2016		01/01/2016	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Tài sản bộ phận	823.225.243.065		796.064.283.609	
Tài sản không phân bổ	823.225.243.065		796.064.283.609	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>823.225.243.065</b>		<b>796.064.283.609</b>	<b>796.064.283.609</b>
Nợ phải trả bộ phận		388.165.561.761		369.213.822.468
Nợ phải trả không phân bổ		388.165.561.761		369.213.822.468
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>388.165.561.761</b>		<b>369.213.822.468</b>

**b. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh, chế biến và xuất khẩu cá, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

**15. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.407.683.988	129.487.881.338	35.407.683.988	129.487.881.338
Phải thu khách hàng	160.975.760.182	111.864.955.872	160.975.760.182	111.864.955.872
Trả trước cho người bán	7.701.951.564	52.534.713.119	7.701.951.564	52.534.713.119
Các khoản phải thu khác	77.765.907.920	29.966.029.495	77.765.907.920	29.966.029.495
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.418.973.891	(24.789.113)	49.099.473.891	(2.430.159.697)
Đầu tư tài chính dài hạn	292.270.277.545	(24.789.113)	372.953.053.715	(2.430.159.697)
<b>Cộng</b>	<b>683.839.654.120</b>	<b>372.953.053.715</b>	<b>683.839.654.120</b>	<b>372.953.053.715</b>



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Nợ phải trả tài chính			
Phải trả cho người bán	9.701.688.100	25.212.177.580	9.701.688.100
Người mua trả tiền trước	2.901.972.864	183.613.460	2.901.972.864
Vay và nợ	370.021.962.147	337.944.846.602	370.021.962.147
Phải trả người lao động	520.633.464		520.633.464
Trái phiếu chuyển đổi			
Các khoản phải trả khác	1.733.461.107	1.294.894.118	1.733.461.107
<b>Cộng</b>	<b>384.879.717.682</b>	<b>364.635.531.760</b>	<b>384.879.717.682</b>
			<b>1.294.894.118</b>
			<b>364.635.531.760</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

### **16. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**

#### **a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

**- Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

**- Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**b. Rủi ro thanh khoản**

• Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	9.701.688.100			9.701.688.100
Người mua trả tiền trước	2.901.972.864			2.901.972.864
Vay và nợ	176.463.751.450	193.558.210.697		370.021.962.147
Chi phí phải trả				
Trái phiếu chuyển đổi				
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.733.461.107			1.733.461.107
<b>Cộng</b>	<b>190.800.873.521</b>	<b>193.558.210.697</b>		<b>384.359.084.218</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáp hạn.

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.005.247,69	274.119,09
Phải thu khách hàng và phải thu khác		426.254,20
Vay và nợ thuê tài chính	(302.386,49)	(352.784,25)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>702.861,20</b>	<b>347.589,04</b>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	30/06/2016	01/01/2016
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	312.631.037	155.383.078
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	(312.631.037)	(155.383.078)

#### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### - Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

### d. Tài sản đảm bảo

#### - Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
Hàng tồn kho	134.226.049.176	53.102.284.621
Tài sản cố định hữu hình	38.706.296.129	38.706.296.129

#### - Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016.

### 07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

### 08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

LƯU TRẦN TẤN

NGUYỄN GIA THUẬN



LÊ VĂN CHÍNH